

Bà Rịa, ngày 30 tháng 9 năm 2018

## BÁO CÁO THÔNG KÊ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TỪ SINH VIÊN CHUẨN BỊ TỐT NGHIỆP – KHOÁ 3

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Mục đích khảo sát

- Tìm hiểu thông tin về tình trạng việc làm của sinh viên sắp tốt nghiệp và khả năng tham gia vào thị trường lao động của sinh viên.
- Xây dựng thêm kênh thông tin phản hồi để giúp nhà trường xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội.
- Góp phần triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường, tiến tới thực hiện tự đánh giá và đánh giá ngoài.

#### 2. Nội dung khảo sát: Thu thập thông tin việc làm của sinh viên sắp tốt nghiệp thông qua phiếu khảo sát gồm 2 phần chính như sau:

- Phần 1: Thông tin cá nhân
- Phần 2: Khảo sát về khóa học (Mục tiêu và chương trình đào tạo, Đội ngũ giảng viên, Quản lý đào tạo, Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ người học, Sinh hoạt đời sống, kết quả đạt được từ khóa học)

#### 3. Đối tượng khảo sát: Sinh viên hệ đại học chính quy Khóa 3 có tên trong danh sách tốt nghiệp năm 2018

#### 4. Phương pháp khảo sát:

- Phát phiếu khảo sát trực tiếp
- Sinh viên trả lời bằng cách chọn vào một trong năm mức từ “Hoàn toàn không đồng ý” đến “Hoàn toàn đồng ý” tương ứng từ 1 tới 5. Ngoài ra, sinh viên có thể nêu ý kiến đóng góp của mình ở trong Mục số III.

## II. THÔNG KÊ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. **Tỉ lệ có việc làm trước khi tốt nghiệp:** có 43 sinh viên trong tổng số 77 sinh viên được khảo sát có việc làm trước ra trường, chiếm tỉ lệ 55,8%, giảm nhẹ so với tỷ lệ của Khóa 1 và 2.

### 2. Mục tiêu và chương trình đào tạo

A. MỤC TIÊU VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO						
TT	Nội dung	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				
		1	2	3	4	5
1	Mục tiêu ngành học rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội	3.1	3.1	15.6	31.2	47
2	Nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo	6.6	1.6	25	21.9	44.9
3	Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo	3.1	3.1	21.9	28.1	43.8
4	Số lượng các môn học phù hợp và trình tự các môn học trong chương trình đào tạo được thiết kế logic	3.1	6.2	12.5	31.2	47
5	Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý	3.1	9.4	21.9	28.1	37.5
6	Đào tạo Tiếng Anh (chuẩn đầu ra về năng lực TA tương đương IELTS 5.5) trong chương trình phù hợp với yêu cầu của xã hội	0	6.2	18.6	18.6	56.6

### 3. Đội ngũ giảng viên

B. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN						
TT	Nội dung	Mức độ (tính theo tỷ lệ %)				
		1	2	3	4	5
1	Đội ngũ giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt, có kinh nghiệm thực tế	6.2	3.1	9.4	34.4	46.9
2	Giảng viên có phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút người học và khuyến khích người học tự học	3.1	3.1	21.9	25	46.9
3	Giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên	3.1	6.2	28.1	25	37.6
4	Hình thức đánh giá kết quả học tập của giảng viên được công khai và cho kết quả tin cậy	0	6.2	6.2	31.3	56.3

### 4. Quản lý đào tạo

C. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Công tác tổ chức đào tạo của Khoa, Trường tạo thuận lợi cho SV (VD kế hoạch học tập hằng năm, Thời khóa biểu học kỳ, Kế hoạch thi, Kế hoạch thực tập, viết đồ án môn học, Bảo vệ tốt nghiệp.....)	6.2	9.4	25	15.6	43.8
2	Các phương pháp đánh giá môn học hợp lý. (Thi trắc nghiệm, Tự luận, Vấn đáp, Thuyết trình.....)	3.1	6.2	12.5	25	53.2
3	Tổ chức thi cử chặt chẽ, giám thị coi thi nghiêm túc, khách quan	6.2	3.1	15.6	26.6	48.5
4	Cán bộ, nhân viên văn phòng khoa, phòng/ban/trung tâm có thái độ phục vụ người học tốt	6.2	6.2	0	32.8	54.8

## 5. Cơ sở vật chất và các hoạt động hỗ trợ người học

D. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Nguồn tài liệu trong thư viện trường đáp ứng được nhu cầu của sinh viên	4.7	4.7	15.6	29.7	45.3
2	Nhà trường có đủ trang thiết bị giảng dạy, học tập	3.1	9.4	20.3	32.8	34.4
3	Các phòng học đảm bảo về âm thanh, ánh sáng và độ thông thoáng	3.1	9.4	25	25	37.5
4	Trang thiết bị trong phòng thí nghiệm-thực hành, thực tập đáp ứng chương trình đào tạo	6.2	6.2	25	29.7	32.9
5	Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ	9.4	4.7	23.4	28.1	34.4
6	Nhà trường có các khóa nâng cao kỹ năng mềm/các buổi nói chuyện chuyên đề ngoài chương trình rất thiết thực cho sinh viên	6.2	7.8	7.8	15.6	62.6

## 6. Điều kiện sinh hoạt và đời sống sinh viên

E. SINH HOẠT VÀ ĐỜI SỐNG						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Các hoạt động do Đoàn Thanh niên tổ chức thiết thực, thu hút SV tham gia	4.7	1.6	6.2	56.3	31.2
2	Các hoạt động ngoại khóa có số lượng vừa đủ và có chất lượng	3.1	6.2	12.5	48.4	29.8
3	Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể thao SV	3.1	10.9	7.8	53.2	25
4	Ký túc xá đáp ứng tốt nhu cầu của SV	6.2	6.2	6.2	48.5	32.9

## 7. Nhận xét chung về kết quả đạt được từ khóa học:

F. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC						
TT	Nội dung	Mức độ				
		1	2	3	4	5
1	Sinh viên có khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp sau khi hoàn thành khóa học, (có kiến thức cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp)	3.1	15.6	4.7	14.1	62.5
2	Sinh viên có khả năng đáp ứng được các yêu cầu của công việc đòi hỏi có kỹ năng mềm	0.0	12.5	6.3	35.9	45.3
3	Sinh viên có khả năng đáp ứng được yêu cầu của công việc đòi hỏi có kỹ năng mềm (Giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý/ tổ chức công việc, thuyết trình,...)	9.4	6.3	14.1	32.8	37.5
4	Sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh khi làm việc trong môi trường cần giao tiếp bằng tiếng Anh	6.3	3.1	4.7	39.1	46.9

### III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

- Qua phân tích kết quả việc làm như trên, tỷ lệ sinh viên có việc làm trước khi tốt nghiệp của Khóa 3 là khá thấp so với 2 khóa trước đây. Chính vì vậy, Nhà trường cần phải có một kênh thông tin riêng để trở thành một cầu nối hỗ trợ cho sinh viên tiếp cận nhiều hơn với thông tin tuyển dụng nói riêng và thị trường lao động nói chung.
- Liên hệ các Khoa, Bộ môn để liên tục cập nhật bổ sung nguồn tài liệu tham khảo cho thư viện trường để đáp ứng được nhu cầu của sinh viên.
- Xem lại công tác tổ chức đào tạo của Khoa, Trường đã tạo thuận lợi cho SV hay chưa VD: cập nhật kế hoạch học tập hằng năm, Thời khóa biểu học kỳ, Kế hoạch thi, Kế hoạch thực tập, viết đồ án môn học, Bảo vệ tốt nghiệp.... cho sinh viên qua nhiều kênh, đảm bảo không sót và nhớ thông tin.
- Tỷ lệ lớn sinh viên lo lắng về khả năng đáp ứng về mặt kỹ năng mềm cũng như kỹ năng tiếng Anh đối với yêu cầu của công việc thực tế. Đồng thời, sinh viên cũng quan ngại về kiến thức chuyên môn của mình liệu có đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp hay không. Chính vì vậy, nhà trường nên đánh giá lại mức độ đáp ứng yêu cầu xã hội của chương trình đào tạo, có biện pháp tăng cường các môn học liên quan tới thực tế sản xuất, có những buổi nói chuyện chuyên đề nhiều hơn, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa để nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

### IV. Ý KIẾN GÓP Ý

- Bổ sung các môn học thực hành gắn liền với thực tiễn sản xuất.
- Bổ sung nguồn tài liệu tham khảo trong thư viện.
- Giáo viên cần cập nhật thêm nhiều kiến thức thực tiễn sản xuất của các đơn vị trong cũng như ngoài ngành
- Cần tổ chức nhiều buổi về kỹ năng mềm, các hoạt động ngoại khóa cần những tiết liên quan đến thực tế, tăng số giờ giao tiếp tiếng Anh, nếu có thể thì đưa vào chương trình giảng dạy một số môn chuyên ngành quan trọng bằng tiếng Anh vừa nâng cao tiếng Anh chuyên ngành vừa áp dụng được tiếng Anh học thuật.
- Nên bổ sung các kiến thức thực tiễn về sản xuất cho sinh viên và ngày hội Company Day, Trường nên mời thêm nhiều công ty, doanh nghiệp trong lẫn ngoài ngành có nhu cầu tuyển dụng thực sự sẽ tốt hơn cho cơ hội việc làm của sinh viên.

- Sinh viên ra trường trong bối cảnh ngành Dầu khí đang gặp nhiều khó khăn nên rất khó xin được việc đúng chuyên ngành, chính vì vậy việc bồi dưỡng kỹ năng mềm, khả năng tư duy, và kỹ năng tiếng cho sinh viên là cực kì cần thiết để sinh viên có thể xin được công việc trái ngành.
- Tăng cường các buổi nói chuyện chuyên đề định hướng cho sinh viên. Đồng thời tạo mối liên hệ giữa các nhà tuyển dụng để xem nhu cầu rồi phù hợp điều chỉnh chương trình dạy.

## V. KHÓ KHĂN THUẬN LỢI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN KHẢO SÁT

### 1. Thuận lợi

- Đây là lần thứ 3 thực hiện khảo sát nên nhóm chuyên trách đã có kinh nghiệm thu thập khảo sát và báo cáo khảo sát.
- Được sự hỗ trợ nhiệt tình từ các đơn vị liên quan về việc cung cấp thông tin sinh viên tốt nghiệp.
- Tập hợp được những ý kiến đóng góp chân thành, đánh giá thiết thực về chất lượng đào tạo và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhà trường.

### 2. Khó khăn

- Một số sinh viên đã có việc làm ngay từ khi thực tập nên rất khó liên hệ với các em. Cần rút kinh nghiệm tiến hành khảo sát sớm hơn và khảo sát qua nhiều kênh thông tin hơn.
- Tâm lý ngại kê khai thông tin cá nhân vì những đóng góp ý kiến khá nhạy cảm.
- Đa số sinh viên sắp ra trường chưa ổn định việc làm, cộng với tâm lý lo lắng phải có được việc ngay sau khi ra trường nên công việc được thống kê chưa phản ánh được là công việc đúng chuyên ngành hay trái chuyên ngành.

### Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Khoa DK; KHCB;
- Lưu: ĐT.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Ngô Thu Kiều**